

Bản án số: 11/2025/DS-PT  
Ngày 18-02-2025  
V/v tranh chấp đất đai

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng và bà Phạm Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2025/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2025 về Tranh chấp về đất đai.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị T; nơi cư trú: Số nhà A T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Phan A; nơi ĐKKHKT: Số nhà A T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; hiện cư trú tại: Số C Chung cư S, phường P, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền ngày 05/9/2024); vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Đặng Văn T1; nơi cư trú: Số nhà A T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị P; nơi cư trú: Số nhà A T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị Thúy H – Luật sư Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*\* Người kháng cáo:*

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Phan A

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo:

*\* Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:*

Năm 1994, gia đình bà T được Hội cựu chiến binh giao cho 720m<sup>2</sup> (2 sào) đất, thời gian 13 năm để làm kinh tế VAC. Đến năm 1999 – 2000 có dự án vườn sinh thái nên đã lấy vào một phần là 520 m<sup>2</sup>, phần còn lại bà T sử dụng cho đến nay và đóng thuế đầy đủ. Cũng vào năm này thì gia đình bà Bùi Thị N, ngụ tại số A T, Đ, H có xây tường bao bằng gạch ba banh, xây nghiêng, chiều dài tường bao khoảng 12 m, cách mặt đường khoảng 5 đến 7 m chiều dài. Ngày 31/8/2001, bà T được UBND huyện A (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 100m<sup>2</sup>, thuộc tờ bản đồ số 26 thửa số 34, địa chỉ tại: Xã Đ, huyện A (nay là phường Đ, quận H), thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ GCN: 02982QSDĐ do UBND huyện A cấp (phần đất vườn thì chưa được cấp giấy chứng nhận), có tứ cận: Phía giáp đường liên thôn (nay là đường T) có chiều dài 05m, cách tim đường là 2,5m; phía giáp nhà ông T2 có chiều dài là 20m; phía giáp nhà bà N có chiều dài 20m; phía giáp ao hợp tác xã có chiều dài là 05m. Phần diện tích không được xây dựng có chiều dài là 7,5m và chiều ngang là 05m giáp đường liên thôn. Năm 2002, bà T xây quán ra mặt đường để kinh doanh, khi xây bà xây lùi lại để đặt ống nước thải thẳng ra hồ ga ở vỉa hè. Bà xây sau và tiếp giáp với trụ công của chủ cũ, cách tường bao do chủ cũ (bà N) xây khoảng 0,5m đến 0,7m. Hiện nay tường quán nhà bà vẫn còn. Đến tháng 11/2023, do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp trước đây đã quá cũ nên bà T có nhu cầu cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên khi tiến hành đo đạc hiện trạng thửa đất để làm thủ tục cấp mới thì phát hiện chiều rộng của thửa đất là 4,9m, thiếu 0,1m so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà T cho rằng nguyên nhân dẫn đến chiều rộng thửa đất bị thiếu là do gia đình ông Đặng Văn T1 trú tại địa chỉ: Số A T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng lấn chiếm sang đất của bà 0,1m. Bà T đã làm đơn đề nghị UBND phường Đ, thành phố Hải Phòng giải quyết tranh chấp giữa hai gia đình nhưng không có kết quả. Vì vậy, bà T khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng giải quyết, buộc

ông Đặng Văn T1 trả lại phần đất đã lấn chiếm của bà T là 1,1m<sup>2</sup>, cụ thể là chiều ngang 0,1m và chiều dài là 10m, giá trị tài sản bị lấn chiếm là 70.000.000 đồng. Bà T đề nghị trả lại đất, không lấy tiền.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà T đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T1 phải bồi thường toàn bộ chi phí đo đạc, đi lại, tổn thất tinh thần, thiệt hại về công việc nhưng không đưa ra số tiền cụ thể. Tuy nhiên, sau đó đã rút yêu cầu này không đề nghị Tòa án giải quyết.

*\* Trong quá trình giải quyết sơ thẩm, bị đơn trình bày:*

Năm 2006, ông và vợ là Nguyễn Thị P có mua diện tích 208m<sup>2</sup> của bà Bùi Thị N, trong đó là 100m<sup>2</sup> là đất theo giấy chứng nhận và 108m<sup>2</sup> là đất nông nghiệp tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 26 tại khu dân cư L, phường Đ, quận H nay là số 144 đường T, phường Đ, quận H (hiện nay bà N ở đâu thì ông và bà P không biết). Tài sản trên đất có 01 căn nhà cấp 4 diện tích 20m<sup>2</sup>. Khi mua, các bên làm giấy viết tay, khi giao đất thì có ông Nghĩa L cán bộ địa chính phường đo đất thực tế. Sau khi nhận chuyển nhượng, ngày 31/7/2006, UBND quận H đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 755603, diện tích 100m<sup>2</sup> (chiều rộng 5m và chiều dài 20m trong đó 7,5m chiều dài thửa đất là hành lang giao thông) cho người sử dụng đất là ông Đặng Văn T1 và bà Nguyễn Thị P vì diện tích này bà N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn diện tích 108m<sup>2</sup> đất nông nghiệp thì chưa được cấp giấy chứng nhận, hàng năm gia đình ông vẫn thực hiện việc đóng thuế đất phi nông nghiệp cho địa phương và ở ổn định không có tranh chấp với ai. Thực tế đất nhà ông mua của bà N có chiều rộng giáp mặt đường Trung Lực khoảng hơn 7 m, chiều rộng phía sau giáp đất của phường quản lý chỉ có hơn 6m. Khi ông mua đất, bà T đã xây nhà và hiện nay vẫn giữ nguyên hiện trạng, ranh giới đất giữa nhà bà N và nhà bà T được xác định bằng tường bao, tường này là do bà N xây dựng trên đất của bà N cao khoảng 1,8m. Năm 2008, ông bà làm nhà 03 tầng kiên cố, năm 2009 dọn về ở ổn định đến nay, nhà ông bà và nhà bà T không có tranh chấp về ranh giới giữa hai thửa đất. Khi ông bà xây nhà thì có nâng nền đất nên tường bao bị thấp đi, vì thế ông bà có xây cao lên như hiện trạng bây giờ và xây lại trụ cổng và phần tường bao nối tiếp từ tường bao cũ đến trụ cổng khoảng 3m.

Cuối năm 2023, bà T có sang nói với ông bà là “nhà anh lấn sang đất nhà em 0,1m chiều ngang x 20m chiều dài nên anh chị trả lại em để đúng với số đo đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Ông bà không đồng ý vì từ khi mua đất, xây nhà thì ranh giới giữa nhà ông bà và nhà bà T là tường bao thuộc đất nhà ông bà (do bà N xây dựng từ trước). Vì thế bà T đã có đơn đề nghị ra phường. Sau hai lần hòa giải tại phường không có kết quả. Nay bà T khởi kiện ra tòa quan điểm của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà T như sau: Ông không lấn chiếm đất của bà

T, cũng không tranh chấp với bà T nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về giá trị phần diện tích đất mà T khởi kiện cho rằng gia đình ông lấn chiếm là 70.000.000 đồng. Ông đồng ý với giá mà bà T đưa ra.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quan điểm:*

Bà nhất trí với phần trình bày của ông Đặng Văn T1, gia đình bà không lấn chiếm đất của bà T nên bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Bà cũng thống nhất giá trị tài sản đang có tranh chấp là 70.000.000 đồng.

*\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1 và bà P trình bày tại phiên tòa sơ thẩm:*

Tại thời điểm gia đình ông T1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của gia đình bà N thì đã có tường bao được xác định là ranh – mốc giới giữa gia đình bà N và gia đình bà T, được chính bà T và anh Phan A thừa nhận tại các bản khai thể hiện trong hồ sơ vụ án. Trong quá trình sử dụng đất gia đình ông T1 có xây thêm khoảng 80cm chiều cao trên nền tường bao cũ của bà N và làm lại trụ cổng đẩy lùi ra phía đường T. Việc xây dựng tường bao được gia đình ông T1 xin phép chính quyền địa phương. Đồng thời cũng là xây thêm trên góc của tường bao cũ, không làm mất đi ranh giới hiện trạng giữa 02 thửa đất, được người thợ xây dựng tường bao xác nhận và có văn bản khai nhận với Tòa án. Quá trình sử dụng đất gần 20 năm của gia đình ông T1 đến khi có vụ án này thì không có bất kỳ tranh chấp nào với các hộ liền kề, bao gồm cả gia đình bà T, gia đình ông T1 không làm thay đổi hiện trạng thửa đất, đảm bảo ổn định ranh mốc giới thửa đất đến khi gia đình bà T đâm đơn khởi kiện.

Việc bà T cho rằng bị gia đình ông T1 lấn chiếm 1,1m<sup>2</sup> đất với chiều ngang 0,1m và chiều dài 10m kéo dài từ đầu tường quán nhà bà T chạy vào bên trong thửa đất xuất phát từ việc gia đình bà T đã thuê người đo đạc, tự kiểm tra và thấy thiếu 0,1m đất chiều ngang so với GCN đã được cấp. Như đã trình bày ở trên khẳng định rằng yêu cầu khởi kiện của gia đình bà T là hoàn toàn không có căn cứ về mặt pháp luật cũng như thực tế. Kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bồi thường toàn bộ chi phí đo đạc, đi lại, tổn thất tinh thần, công việc, đây là yêu cầu vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

*Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T về việc buộc ông Đặng Văn T1 trả lại phần đất đã lấn chiếm của bà T là 1,1m<sup>2</sup>, cụ thể là chiều ngang 0,1m và chiều dài là 11m.

2. Về án phí: Bà T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Đoàn Thị T phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.000.000 đồng. Bà T đã nộp đủ số tiền này.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

*Nội dung kháng cáo:* Ngày 15/11/2024, Tòa án nhân dân quận Hải An nhận được đơn kháng cáo do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp trực tiếp, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

- Yêu cầu bị đơn tháo dỡ công trình xây dựng trái phép trên đất;
- Trả lại phần đất lấn chiếm;
- Bồi thường toàn bộ chi phí tham gia vụ án cả sơ thẩm và phúc thẩm: Tồn thất tinh thần, thời gian, chi phí đo đạc, đi lại.

Nguyên đơn không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới, không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ nào khác.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về kháng cáo*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự

- Về việc kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

+ Thời hạn kháng cáo và quyền kháng cáo đảm bảo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của đại diện nguyên đơn; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2024 của **Tòa án nhân dân quận Hải An**.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; yêu cầu kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Thời hạn kháng cáo: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa xét xử ngày 15/11/2024; ngày 15/11/2024, Tòa án nhân dân quận Hải An nhận được đơn kháng cáo của ông Phạm Phan A nộp trực tiếp. Thời hạn kháng cáo và quyền kháng cáo đảm bảo quy định tại các điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Các đương sự vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

- Xét yêu cầu khởi kiện:

[4] Nguồn gốc diện tích đất gia đình bà T đang quản lý, sử dụng:

[4.1] Lời khai của bà T thể hiện diện tích đất của gia đình bà tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 26 thuộc xã Đ cũ là do được Hội cựu chiến binh xã Đ giao khoán đất vào năm 1994 và về sinh sống trên đất làm kinh tế VAC. Bà Thủy cung C cho Tòa án bản phôi tờ Hợp đồng giao khoán, tuy nhiên theo hợp đồng không ghi rõ vị trí, địa chỉ thửa đất.

[4.2] Tại giai đoạn sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà T khai: Diện tích đất của bà T là do bà T mua của ông M (không biết địa chỉ) vào năm 1993, 1994 nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh.

[4.3] Ngày 31/8/2001, bà T được UBND huyện A (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 26; nguồn gốc là đất ở, đất cấp năm 1998 (biên bản giao đất làm nhà ở ngày 21/8/1998), có chiều rộng giáp đường liên thôn (nay là đường T) là 5m, cách tim đường 2,5m, chiều rộng phía sau giáp ao Hợp tác xã là 5m, chiều dài giáp nhà bà N 20m, chiều dài giáp nhà ông T2 là 20m. Trong đó 7,5m chiều dài, ngang 5m phần phía trước giáp đường liên thôn là hành lang giao thông, không được xây dựng.

[5] Nguồn gốc diện tích đất gia đình ông T1 và bà P đang quản lý, sử dụng:

[5.1] Lời khai của ông T1 và bà P xác nhận: Diện tích đất của gia đình ông bà đang sử dụng có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng bà Bùi Thị N và ông Nguyễn V vào ngày 20/7/2006. Theo hợp đồng chuyển nhượng, diện tích nhận chuyển nhượng 208m<sup>2</sup>, cụ thể: Diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 100m<sup>2</sup>, diện tích đất ngoài giấy chứng nhận là 108m<sup>2</sup> có chiều rộng giáp đường T là hơn 7m, chiều rộng phía sau giáp đất nông nghiệp do xã quản lý là hơn 6m.

[5.2] Ngày 31/7/2006, UBND quận H đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 755603, diện tích 100m<sup>2</sup> tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 26, có chiều rộng giáp đường nội bộ (nay là đường T) là 5m, cách tim đường 2,5m và chiều dài giáp nhà bà T là 20m, chiều dài giáp nhà bà O là 20m. Trong đó 7,5m chiều dài, ngang 5m phần phía trước giáp đường liên thôn là hành lang giao thông, không được xây dựng. Còn diện tích đất nông nghiệp thì chưa được cấp giấy chứng nhận.

[6] Tài liệu xác minh tại UBND phường Đ:

[6.1] Theo Bản đồ dải thửa năm 1998 của UBND xã Đ (nay là UBND phường Đ) các thửa đất có chiều rộng giáp đường T là đường chéo song song với đường liên thôn (nay là đường T). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T và ông T1 đều có chiều rộng giáp đường liên thôn thể hiện song song với đường Trung Lực dài 5m cách tim đường là 2,5m. Qua đo đạc thực tế thửa đất của bà T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tim đường Trung Lực thì chiều rộng thửa đất bà T đang sử dụng phía giáp đường T là 5m không thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện A đã cấp cho bà T.

[6.2] Theo cung cấp của UBND phường Đ: Thửa đất của bà Đoàn Thị T cũng như tất cả các thửa đất khác đều chéo, không vuông đất, chiều rộng song song với đường giao thông. Hiện trạng thửa đất này vẫn giữ nguyên theo sơ đồ dải thửa năm 1998, vị trí mốc giới không thay đổi. Về sơ đồ thửa đất của bà T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện không đúng theo sơ đồ dải thửa thì địa phương không nắm được.

[7] Kết quả khảo sát, xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện:

[7.1] Quá trình giải quyết sơ thẩm, nguyên đơn không ký biên bản và có ý kiến không đồng ý với sơ đồ hiện trạng thửa đất. Nhưng tại buổi làm việc ngày 10/10/2024, đại diện nguyên đơn không có ý kiến gì về ranh giới, mốc giới, hiện trạng thửa đất. Còn về ranh giới, mốc giới khi ghép cạnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không đồng ý sơ đồ hiện trạng này vì không chính xác, không có tọa độ các mốc giới và đề nghị tiến hành đo vẽ lại. Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn

làm rõ các nội dung nguyên đơn trình bày thì nguyên đơn đã chấp nhận sơ đồ đo vẽ. Ngày 18/10/2024, người đại diện của nguyên đơn có đơn đề nghị với nội dung không yêu cầu thay đổi công ty đo vẽ, chấp nhận sử dụng sơ đồ hiện trạng thửa đất do Công ty TNHH T3 cung cấp làm tài liệu chứng cứ để Tòa án xem xét giải quyết vụ án. Do đó, kết quả xem xét thẩm định có căn cứ để chấp nhận.

[7.2] Kết quả đo đạc, lồng ghép diện tích sử dụng thực tế với diện tích được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại vị trí giáp ranh giữa diện tích đất của gia đình bà T và gia đình ông T1 thể hiện: Chiều dài thửa đất của hộ bà T đang sử dụng trùng khớp với chiều dài thửa đất được cấp theo giấy chứng nhận. Chiều ngang thửa đất hộ bà T đang sử dụng không bị thiếu so với chiều ngang trong giấy chứng nhận như yêu cầu của bà T đưa ra.

[8] Từ những phân tích trên, không có căn cứ để xác định diện tích đất của gia đình ông Đặng Văn T1 đang sử dụng đã lấn chiếm của bà T diện tích là 1,1m<sup>2</sup>, chiều ngang 0,1m và chiều dài là 10m. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

[9] Nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Hải An, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

- Yêu cầu bị đơn tháo dỡ công trình xây dựng trái phép trên đất;
- Trả lại phần đất lấn chiếm;
- Bồi thường toàn bộ chi phí tham gia vụ án cả sơ thẩm và phúc thẩm: Tôn thất tinh thần, thời gian, chi phí đo đạc, đi lại.

[9.1] Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên đối với yêu cầu kháng cáo về việc buộc bị đơn tháo dỡ công trình xây dựng trái phép trên đất và trả lại phần đất lấn chiếm là không có cơ sở để chấp nhận;

[9.2] Yêu cầu của bà T không được chấp nhận nên bà T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật là 8.000.000 đồng. Bà T đã nộp đủ số tiền này.

[9.3] Về việc nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán bồi thường toàn bộ chi phí đi lại, tổn thất tinh thần, thiệt hại: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đưa ra yêu cầu này, đồng thời sau đó rút tại phiên tòa và đồng ý khởi kiện bằng vụ án khác. Do đó không có căn cứ để xem xét.



[9.4] Từ những phân tích trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Thị T không được chấp nhận tuy nhiên do bà T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 148; khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Điều 175 Bộ luật Dân sự;
- Điều 166 Luật Đất đai;
- Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn là bà Đoàn Thị T.

**Giữ nguyên** Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2024 của **Tòa án nhân dân quận Hải An**, thành phố Hải Phòng **về việc** “Tranh chấp đất đai”.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T về việc buộc ông Đặng Văn T1 trả lại phần đất đã lấn chiếm của bà T là 1,1m<sup>2</sup>, cụ thể là chiều ngang 0,1m và chiều dài là 11m.
2. Về chi phí tố tụng: Bà Đoàn Thị T phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.000.000 đồng. Bà T đã nộp đủ số tiền này.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.
4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà T được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.
5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- TAND quận Hải An;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mạnh Hà**

